Chi tiết mã HS 1204.00.00

Mã HS	1204.00.00
Mô tả hàng hóa	Hạt lanh, đã hoặc chưa vỡ mảnh
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	05/11/2026 18:01:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/12040000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K1666
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N1666
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q1666
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E1645
ATIGA	2022	2022	0	AT!E1646
ATIGA	2023	2023	0	AT!F1646
ATIGA	2024	2024	0	AT!G1646
ATIGA	2025	2025	0	AT!H1646
ATIGA	2026	2026	0	AT!I1646
ATIGA	2027	2027	0	AT!J1646
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E1648
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F1648

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G1648
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H1648
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I1648
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J1648
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E1650
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F1650
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G1650
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H1650
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I1650
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J1650
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F1652
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H1648
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F1648
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G1648
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H1648
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I1648
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J1648
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K1648
VKFTA	2022	2022	0	VK!E1646
VKFTA	2023	2023	0	VK!F1646
VKFTA	2024	2024	0	VK!G1646
VKFTA	2025	2025	0	VK!H1646
VKFTA	2026	2026	0	VK!I1646
VKFTA	2027	2027	0	VK!J1646
VCFTA	2022	2022	2	VC!D1659
VCFTA	2023	2023	1	VC!E1659

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F1659
VCFTA	2025	2025	0	VC!G1659
VCFTA	2026	2026	0	VC!H1659
VCFTA	2027	2027	0	VC!I1659
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D1656
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E1656
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F1656
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G1656
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H1656
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I1656
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D1664
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E1664
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F1664
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G1664
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H1664
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I1664
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D1647
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E1647
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F1647
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G1647
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H1647
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I1647
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D1649
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E1649
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F1649
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G1649

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H1649
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I1649
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D1647
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E1647
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F1647
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G1647
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H1647
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I1647
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J1647
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D1650
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E1650
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F1650
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G1650
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H1650
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I1650
RCEP B	2022	2022	0	B!D1650
RCEP B	2023	2023	0	B!E1650
RCEP B	2024	2024	0	B!F1650
RCEP B	2025	2025	0	B!G1650
RCEP B	2026	2026	0	B!H1650
RCEP B	2027	2027	0	B!I1650
RCEP C	2022	2022	0	C!D1650
RCEP C	2023	2023	0	C!E1650
RCEP C	2024	2024	0	C!F1650
RCEP C	2025	2025	0	C!G1650
RCEP C	2026	2026	0	C!H1650

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I1650
RCEP D	2022	2022	0	D!D1650
RCEP D	2023	2023	0	D!E1650
RCEP D	2024	2024	0	D!F1650
RCEP D	2025	2025	0	D!G1650
RCEP D	2026	2026	0	D!H1650
RCEP D	2027	2027	0	D!I1650
RCEP E	2022	2022	0	E!D1652
RCEP E	2023	2023	0	E!E1652
RCEP E	2024	2024	0	E!F1652
RCEP E	2025	2025	0	E!G1652
RCEP E	2026	2026	0	E!H1652
RCEP E	2027	2027	0	E!I1652
RCEP F	2022	2022	0	F!D1650
RCEP F	2023	2023	0	F!E1650
RCEP F	2024	2024	0	F!F1650
RCEP F	2025	2025	0	F!G1650
RCEP F	2026	2026	0	F!H1650
RCEP F	2027	2027	0	F!I1650
VIFTA	2024	2024	8.6	VI!F1561
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G1561
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H1561
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I1561

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi "*/5/8/10".		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1204.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 1204.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N1666), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.